**Toán**

**Bài 71. ĐỀ-XI-MÉT KHỐI**

(2 tiết – SGK trang 39)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết được đơn vị đo thể tích đề-xi-mét khối:

+ Biểu tượng, tên gọi, kí hiệu.

+ Đọc, viết các số đo theo đơn vị đề-xi-mét khối.

+ Quan hệ với đơn vị xăng-ti-mét khối, chuyển đổi đơn vị đo.

* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đề-xi-mét khối.
* HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; mô hình hoá toán học; giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung**

 Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

 Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

 Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

 Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

 Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 GV: Đồ dùng trực quan dùng cho hoạt động Cùng học, Luyện tập 1, Khám phá.

Một số đồ vật có thể tích khoảng 1 dm3, chẳng hạn: hộp sữa, hộp bánh, hộp phấn, … (tham khảo hình vẽ trong Thực hành 1).

 HS: Bộ đồ dùng học toán.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** |
| **1. Khởi động** | |
| * GV cho HS quan sát hình ảnh phần Khởi động. * Từ nội dung bóng nói, GV giới thiệu bài. | – HS quan sát hình ảnh phần Khởi động.  A group of children looking at a fish tank  Description automatically generated |
| **2. Khám phá – Hình thành kiến thức mới: Đề-xi-mét khối** | |
| **Giới thiệu đề-xi-mét khối**   * GV vừa giới thiệu vừa viết bảng:   + Đề-xi-mét khối là một đơn vị đo thể tích.  + Đề-xi-mét khối viết tắt là dm3.  + 1 dm3 là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1 dm.  **Quan hệ giữa đề-xi-mét khối và xăng-ti-mét khối.**   * GV đưa ra một hình lập phương và nói:   Đây là hình lập phương có thể tích là 1 dm3. Cạnh của hình lập phương này dài bao nhiêu?  A hand holding a cube  Description automatically generated | * HS lặp lại:   + Đề-xi-mét khối là một đơn vị đo thể tích.  + Đề-xi-mét khối viết tắt là dm3.  + 1 dm3 là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1 dm.   * HS viết 1 dm3 vào bảng con.   1 dm |
| * GV đặt vấn đề: Muốn biết một đề-xi-mét khối bằng bao nhiêu xăng-ti-mét khối ta làm thế nào?   A diagram of a cube  Description automatically generated   * GV: Ta xếp đầy các hình lập phương cạnh 1 cm vào hình này xem được bao nhiêu. * Ta xếp theo từng lớp.   + Theo mỗi cạnh của hình lập phương cạnh 1 dm xếp được bao nhiêu hình lập phương cạnh 1 cm?  + Mỗi lớp có bao nhiêu hình lập phương cạnh 1 cm?  + Bao nhiêu lớp như vậy thì đầy hình lập phương cạnh 1 dm?   * Mỗi hình lập phương cạnh 1 cm có thể tích bao nhiêu? * Hãy nêu quan hệ giữa đề-xi-mét khối và xăng-ti-mét khối   GV viết bảng. | – HS thảo luận nhóm bốn rồi trả lời.  10 hình (do 1 dm = 10 cm).  100 hình (do 10 x 10 = 100).  10 lớp  1 000 hình (do 100 x 10 = 1 000)  1 cm3  – HS nói: |
| **3. Luyện tập – Thực hành** | |
| *Thực hành*  **Bài 1:**   * GV cung cấp cho các nhóm HS một số vật đã chuẩn bị (hộp sữa, hộp bánh, …). * GV để mô hình lập phương cạnh 1 dm trên bàn GV cho HS quan sát, nhận biết độ lớn của 1 dm3, ước lượng thể tích các đồ vật theo đơn vị đo là đề-xi-mét khối.   *Lưu ý:* GV có thể tổ chức cho HS chơi thi đua kể tên các đồ vật có thể tích khoảng 1 dm3 trong vòng 1 phút; tổ nào kể được nhiều nhất thì thắng cuộc. | – HS quan sát hình lập phương cạnh 1 dm trên bàn GV và nói cho nhau nghe. Ví dụ:  + Hộp sữa có thể tích khoảng 1 dm3.  … |
| **Bài 2:**   1. GV viết số đo:   42 dm3  1 009 dm3 | – HS đọc số đo:  Bốn mươi hai đề-xi-mét khối.  Một nghìn không trăm linh chín đề-xi-mét khối. |
| dm3  80,05 dm3 | Chín phần tư đề-xi-mét khối.  Tám mươi phẩy không năm đề-xi-mét khối. |
| b) GV đọc số đo:  Bốn mươi hai đề-xi-mét khối. | – HS viết số đo vào bảng con và đọc: 42 dm3 |
| Sáu phần bảy đề-xi-mét khối. | dm3 |
| Ba trăm phẩy tám đề-xi-mét khối. | 300,8 dm3 |
| **Bài 3:**   * GV hỏi nhanh:   + Chuyển đổi: dm3  cm3.  + Chuyển đổi: cm3  dm3.  + Nhân một số với 1 000, ta làm thế nào?  + Chia một số cho 1 000, ta làm thế nào?   * Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thíchcách làm. | * HS đáp gọn:   + Nhân với 1 000.  + Chia cho 1 000.  + Thêm vào bên phải ba chữ số 0 hoặc chuyển dấu phẩy sang phải ba chữ số.  + Bỏ ba chữ số 0 tận cùng hoặc chuyển dấu phẩy sang trái ba chữ số.   * HS thực hiện cá nhân, chia sẻnhóm đôi.  1. 1 dm3 = 1 000 cm3   8 dm3 = 8 000 cm3  11,3 dm3 = 11 300 cm3   1. 1 000 cm3 = 1 dm3   15 000 cm3 = 15 dm3  127 400 cm3 = 127,4 dm3   1. 1 cm3 = 0,001 dm3   700 cm3 = 0,7 dm3  dm3 = 2 500 cm3  – HS giải thíchcách làm.  Ví dụ:  a) 11,3 dm3 = (11,3 × 1 000) cm3 = 11 300 cm3  … |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**